

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1990; HKTT: Tổ D, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Lê N, sinh năm 1988; HKTT: Ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ: Căn hộ A.08.03 Block A Chung cư Metro Tower, Số D đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/3/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày:

Bà K và ông Trần Lê Nguyễn tự N1 chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 26/5/2021.

Cuộc sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm về cuộc sống không đồng nhất về công việc, tài chính, nuôi dưỡng con cái... dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Từ khoảng tháng 02/2025 cho đến nay thì bà K và ông N đã sống ly thân, bà K đưa cháu

Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023 về nhà cha mẹ của bà K tại Tổ D, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay.

Nay, bà K nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông Trần Lê Nguyễn .

Quá trình chung sống bà K và ông Trần Lê Nguyễn C 01 con chung tên Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023. Sau khi ly hôn, bà K nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyên K1. Tại đơn kiện, bà K yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, hiện nay cháu chưa đi học chi phí nuôi dưỡng cháu hàng tháng khoảng 2.500.000 đồng nên bà K yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.250.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi.

Bà K không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà K không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Lê N trình bày:*

Ông Nguyễn thống N2 với lời trình bày của bà K về việc có đăng ký kết hôn quá trình chung sống, con chung; Thống nhất các mâu thuẫn của vợ chồng như bà K trình bày. Quá trình chung sống gần đây ông Nguyễn K2 nhận được sự tôn trọng của bà K.

Tuy nhiên, ông N cho rằng các mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đủ để dẫn tới ly hôn. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà K thì ông N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông mong muốn gia đình có cả cha cả mẹ để chăm sóc cho con chung tốt hơn nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống ông N và bà K có 01 con chung tên Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Nguyễn N3 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyên K1, không yêu cầu bà K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn K2 đồng ý giao Trần Nguyên K1 cho bà K nuôi dưỡng vì bà K không đảm bảo việc giáo dục cháu được tốt, đồng thời bà K đi làm xa đi sớm về khuya không đảm bảo việc chăm sóc cháu. Trường hợp Tòa án giải quyết giao cháu Trần Nguyên K1 cho bà Nguyễn Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng thì ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Ông Nguyễn K2 tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, ông N không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà K và ông Nguyễn D Tòa án tiến hành ngày 15/5/2025, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:

Quá trình bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Trần Lê Nguyễn sinh S tại địa phương chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Trần Lê Nguyễn C xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Trần Lê Nguyễn L gì cũng như công việc, thu nhập của họ nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông Nguyễn L trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều cung cấp chứng cứ xác định mình có chỗ ở, công việc và thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Xét thấy, cháu Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023 hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, giao cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1. Tại phiên tòa, ông N đồng ý thực hiện việc cấp dưỡng nuôi cháu K1 số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là tự nguyện và phù hợp quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Trần Lê N, sinh năm 1988; Thường trú: Ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Tạm trú: Căn hộ A.08.03 Block A Chung cư Metro Tower, Số D đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Trần Lê Nguyễn C1 sống với nhau từ năm 2021, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 26/5/2021. Như vậy, hôn nhân giữa bà K và ông Nguyễn L hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà K trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm về cuộc sống không đồng nhất về công việc, tài chính, nuôi dưỡng con cái... dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Từ khoảng tháng 02/2025 cho đến nay thì bà K và ông N đã sống ly thân, bà K đưa cháu Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023 về nhà cha mẹ của bà K tại Tổ D, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Nay, bà K nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin ly hôn với ông N.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn thống N2 với lời trình bày của bà K về quá trình chung sống, con chung, mâu thuẫn gia đình cũng như việc có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống gần đây ông Nguyễn K2 nhận được sự tôn trọng của bà K. Tuy nhiên, ông N cho rằng các mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đủ để dẫn tới ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Ông Nguyễn K2 đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà K kiên quyết xin ly hôn. Bà K và ông Nguyễn thống N2 việc cả hai đã ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Bà K và ông Nguyễn K2 tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông N đã trầm trọng. Nên việc bà K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống bà K và ông Nguyễn C 01 con chung tên Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bị đơn ông N xác định trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì ông Nguyễn N3 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyên K1.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng bà K và ông N đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ về nghề nghiệp, nơi ở, nơi làm việc, thu nhập của mình để đảm bảo việc nuôi con. Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “3. *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Cháu Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023, đến tại thời điểm xét xử cháu dưới 36 tháng tuổi; Bà K và ông N không có thỏa thuận nào khác về việc nuôi con; Đồng thời, bà K chứng minh được bà đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên toà, bà K yêu cầu ông Nguyễn cấp D1 nuôi con chung 1.250.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Ông N trình bày trường hợp Toà án giải quyết giao cháu Trần Nguyên K1 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng thì ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Khoản 2 Điều 82, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó, việc bà K yêu cầu ông Nguyễn cấp D1 nuôi con chung là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Điều 116, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay*

đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”

Xét thấy, tại phiên tòa ông Nguyễn đồng Ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Kiều phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn P chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy K đối với ông Trần Lê Nguyễn V việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn với ông Trần Lê N (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/5/2021).

1.2. Về con chung: Ông Trần Lê Nguyễn G con chung tên Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/01/2023 cho bà Nguyễn Thị Thúy K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Trần Lê Nguyễn C trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng, thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Trần Lê Nguyễn Đ có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của

con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà K đã nộp theo biên lai thu số 0007984 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Lê Nguyễn P chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam